

Bản án số: 1105/2023/HNGĐ-
ST

Ngày: 04-7-2023
Về việc Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Nguyễn Văn Tuấn.

tòa:

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thanh Minh.

Bà Nguyễn Thị Nở.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:**

Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2630/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh D, sinh năm 1987; địa chỉ: Số A đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyen Son N (Nguyễn N S), sinh năm 1983; quốc tịch: Hoa Kỳ; địa chỉ: A Cavell L USA. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D trình bày: Năm 2008, bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) quen biết nhau qua mạng xã hội và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 793, quyển số 03, ngày 05 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 03 tháng 02 năm 2009. Sau khi kết hôn ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) trở về Mỹ sinh sống và làm việc, mỗi năm có sang Việt Nam một lần và ở lại được khoảng 10 ngày. Trong

thời gian không sống chung thì vợ chồng bà cũng ít liên hệ với nhau. Cuối năm 2009, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ năm 2010 đến nay, bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) không còn liên lạc với nhau nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyen Ngoc S (Nguyen S N) để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

Đối với bị đơn Nguyen Son N (Nguyễn N S): Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Nguyễn Thanh D khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo Công văn ủy thác tư pháp số 549/UTTPDS-TA30 ngày 02 tháng 8 năm 2022). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như bản tự khai, tài liệu, chứng cứ của bị đơn và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lời khai, tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn. Về con chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có, không yêu cầu giải quyết vấn đề về tài sản nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ; nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp nhưng không có thông báo về kết quả tổng đạt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Khoản 4 và 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 793, quyển số 03, ngày 05 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 03 tháng 02 năm 2009, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh D và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D thì bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) chung sống hạnh phúc trong 01 năm đầu sau khi kết hôn, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống. Cuộc sống mỗi người một nơi và liên hệ không thường xuyên làm cho tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Từ 2010, bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) đã không còn liên hệ với nhau cho đến nay. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyen Son N (Nguyễn N S).

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thanh D và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) đã không còn chung sống hay liên hệ với nhau trong khoảng thời gian rất dài thể hiện tình nghĩa vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D, giải quyết cho bà D được ly hôn ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa bà và ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 5 Điều 477, Khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh D**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thanh D** được ly hôn với ông Nguyen Son N (**Nguyễn N S**).

Giấy chứng nhận kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn số 793, quyển số 03, ngày 05 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 03 tháng 02 năm 2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu phân chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh D** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002419 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh D** phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh D** có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm)

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyen Son N (Nguyễn N S) theo quy định tại Điểm c Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thời hạn kháng cáo của bị đơn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC17)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Minh

Nguyễn Thị Nở

Nguyễn Văn Tuấn